

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/8/2020

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lò Văn Thương

Ông Nguyễn Trọng Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Minh Hiền** - Kiểm sát viên (Vắng mặt).

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị V** - Sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Đội 10, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn Th** - Sinh năm 1981; Địa chỉ: Bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị V trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị V, anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, trong tháng 9/2019 đã có hai lần anh

Th cầm dao dĩa vào cổ chị V đe dọa giết chị V và 01 lần anh Th bóp cổ chị V ngay tại nhà bố mẹ đẻ chị V. Anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm của chị V đối với anh Th không còn, vì vậy chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

- *Về con chung*: Chị V và anh Th có 02 con chung là Quảng Thị Mai H - sinh ngày 11/8/2013 và Quảng Anh Tr - sinh ngày 11/12/2016. Chị V có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 500.000 đồng/1 tháng. Cháu H cũng đã có ý kiến xin được ở với chị V. Chị V có chỗ ở ổn định, về thu nhập của chị V từ nghề làm ruộng và phụ xây được khoảng 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng/1 tháng, chị V đảm bảo có đủ khả năng về thời gian, chỗ ở cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và cháu Tr.

- *Về quan hệ tài sản*: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có; Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 12/6/2020 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Quảng Văn Th trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị V, anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh Th thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng và có 1 lần do quá nóng nảy anh Th đã cầm dao dĩa vào cổ chị V đe dọa giết chị V. Anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị V nộp đơn xin ly hôn, anh Th không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị V.

- *Về con chung*: Anh Th và chị V có 02 con chung là Quảng Thị Mai H - sinh ngày 11/8/2013 và Quảng Anh Tr - sinh ngày 11/12/2016. Anh Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và để chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về thu nhập: Tại phiên tòa anh Th khai thu nhập của anh từ nghề làm ruộng được khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng/1 tháng, anh Th đảm bảo có đủ khả năng về thời gian, chỗ ở cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Vì vậy anh không nhất trí cho chị V được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H.

- *Về quan hệ tài sản*: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có; Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lò Thị V và anh Quảng Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về sự vắng mặt của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên vắng mặt có lý do chính đáng mà không thể tham gia phiên tòa, xét thấy sự vắng mặt của kiểm sát viên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt kiểm sát viên theo quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Th là hợp pháp trên cơ sở được pháp luật công nhận, cả hai anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng và có 1 lần do quá nóng nảy anh Th đã cầm dao dí vào cổ chị V đe dọa giết chị V. Anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Vì những lý do trên mà chị V tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Th. Còn anh Th không thừa nhận là đã thường xuyên đánh đập chị V và vì vẫn còn tình cảm với chị V nên anh Th không nhất trí ly hôn.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên (BL: 31), chính quyền địa phương cho biết: Trong quá trình anh Th và chị V chung sống với nhau kể từ năm 2012 cho đến tháng 8/2019 tại bản H, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau và đánh đập nhau, theo như chị V cho biết đã có 01 lần anh Th bóp cổ chị V tại nhà bố mẹ đẻ chị V và 2 lần anh Th dùng dao dọa giết chị V. Mặt khác, sau lần hòa giải ngày 12/6/2020 Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ chị V và anh Th hòa giải lần hai vào ngày 06/7/2020 nhưng anh Th không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh Th chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, cả hai anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị V và anh Th vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị V được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị V và anh Th có 02 con chung là Quàng Thị Mai H - sinh ngày 11/8/2013 và Quàng Anh Tr - sinh ngày 11/12/2016, hiện các cháu đang ở với chị V kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau tháng 9/2019. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị V khai về thu nhập của chị từ nghề làm ruộng và phụ xây được khoảng 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, chị đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu. Vì vậy, chị V đề nghị Tòa án giao hai cháu cho chị được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H và cháu Tr mỗi cháu là 500.000 đồng/1 tháng. Còn anh Th có thu nhập từ nghề làm ruộng được khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng/1 tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị V có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu, còn anh Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm cháu H cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị V yêu cầu anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 500.000 đồng/1 tháng. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 12/8/2020 cháu H trình bày cháu có nguyện vọng được ở với chị V vì chị V có điều kiện chăm sóc cháu nhiều hơn. Xét chị V có thu nhập, có chỗ ở ổn định và có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu; mặt khác cháu H đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị V, cháu Tr còn rất nhỏ cần đến sự quan tâm chăm sóc của chị V nhiều hơn. Vì vậy, căn cứ vào những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của các cháu và căn cứ vào mức lương tối thiểu hiện nay cũng như về mặt bằng giá cả thực tế tại địa phương, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu và buộc anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H mỗi tháng là 500.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Tr mỗi tháng là 500.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2020 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân gia đình.

- Về quan hệ tài sản:

- + Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có;
- + Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**) Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Lò Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn).

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Quàng Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị V được ly hôn với anh Quàng Văn Th.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Quàng Thị Mai H - sinh ngày 11/8/2013 và Quàng Anh Tr - sinh ngày 11/12/2016 cho chị Lò Thị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh Quàng Văn Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Quàng Thị Mai H 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/1 tháng và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Quàng Anh Tr 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/1 tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (14/8/2020).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản:

- + Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có;
- + Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Lò Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003400 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Quàng Văn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án ly hôn).

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Áp dụng Điều 351, 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (chị Lò Thị V) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng bên phải thi hành án (anh Quàng Văn Th) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/8/2020).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyền

